

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2019/HNGĐ-ST
Ngày 26-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thúy Uyên;

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Huỳnh Phước

Ông Đỗ Ngọc Cận

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Dũng là thư ký Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng tham gia phiên Tòa: Bà Nguyễn Lê Ngọc – Kiểm Sát viên.

Trong ngày 26 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 241/2019/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 203/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2019, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim T, địa chỉ thường trú: đường T, khóm Đ, phường P, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng. (Có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Công Đ, địa chỉ thường trú: Số 19, đường Dương Minh Quan, khóm 8, phường 3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (Vắng mặt có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện lập ngày 18/9/2019 cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Kim T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Công Đ xác lập vợ chồng trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 03/7/2006. Sau thời gian chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Công Đ phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ

chồng không còn hạnh phúc. Ông bà sống ly thân từ tháng 7 năm 2019 cho đến nay.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, ông bà có 02 người con chung là cháu Nguyễn Bình P (nam, sinh ngày 05/01/2007) và cháu Nguyễn Bình T1 (nam, sinh ngày 05/01/2016). Hiện cháu Nguyễn Bình P đang sống với ông Đ, còn cháu Nguyễn Bình T1 đang sống với bà T. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Kim T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bình T1, giao ông Nguyễn Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bình P cho đến khi cháu T1 và cháu P đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Công Đ không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Kim T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Kim T tự khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Nguyễn Công Đ, sau khi thụ lý vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông biết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nhưng ông Đ không có văn bản trả lời cho Tòa án. Sau đó, Tòa án đã gửi Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Đ 02 lần nhưng ông vẫn không tham gia.

Ý kiến của kiểm sát viên:

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng Đ theo quy định của Bộ Luật tố tụng dân sự như: Xác định Đ thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định Đ tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ Đ theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tổng đạt đảm bảo Đ theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện Đ các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Công Đ; Về con chung giao cháu Nguyễn Bình T1 cho bà Nguyễn Kim T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu Nguyễn Bình P cho ông Nguyễn Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu T1 và cháu P đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nguyễn Kim T không yêu cầu ông Nguyễn Công Đ cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Kim T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Kim T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện thì bà Nguyễn Kim T yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Công Đ và yêu cầu được nuôi con. Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình, quan hệ pháp luật để giải quyết là tranh chấp ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Nguyễn Công Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ nhất nhưng vắng mặt có đơn xin giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Cũng tại phiên Tòa, nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể theo đơn khởi kiện bà Nguyễn Kim T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bình P và cháu Nguyễn Bình T1 đến tuổi trưởng thành. Tại phiên Tòa hôm nay bà Nguyễn Kim T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bình T1, giao ông Nguyễn Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bình P cho đến khi cháu T1 và cháu P đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của bà T không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu quy định tại khoản 1 Điều 244 Bộ Luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Công Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng vào ngày 03/7/2006 nên hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Trong quá trình chung sống, ông bà phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống dẫn đến vợ chồng hay cự cãi với nhau. Mặc dù Tòa án ra thông báo về phiên hòa giải cho vợ chồng trở về đoàn tụ hai lần nhưng ông Đ vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Tại phiên Tòa hôm nay bà T vẫn cương quyết xin ly hôn với ông Nguyễn Công Đ. Hội đồng xét xử xét thấy, thực trạng mâu thuẫn giữa bà T và ông Đ đã đến mức trầm trọng, ông bà đã sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kim T cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Công Đ.

Về con chung: Theo bà Nguyễn Kim T trình bày, trong thời gian chung sống, ông bà có 02 người con chung là cháu Nguyễn Bình P (nam, sinh ngày 05/01/2007) và cháu Nguyễn Bình T1 (nam, sinh ngày 05/01/2016). Hiện cháu Nguyễn Bình P đang sống với ông Đ, còn cháu Nguyễn Bình T1 đang sống với bà T. Sau khi ly hôn bà Nguyễn Kim T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bình T1, giao ông Nguyễn Công Đ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Bình P cho đến khi cháu T1 và cháu P đủ 18 tuổi. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi ông bà sống ly thân cho đến nay, cháu Nguyễn Bình P do ông Nguyễn Công Đ trực

tiếp nuôi dưỡng, còn cháu Nguyễn Bình T1 do bà Nguyễn Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, cuộc sống của các cháu đang ổn định, đối với cháu Nguyễn Bình T1 còn nhỏ nên rất cần sự quan tâm chăm sóc của người mẹ, còn đối với cháu Nguyễn Bình P thì có nguyện vọng được ở cùng với cha là ông Nguyễn Công Đ (Bút lục số 16). Do đó căn cứ vào Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Kim T, giao cháu Nguyễn Bình T1 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Bình P cho ông Nguyễn công Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P và cháu T1 đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nguyễn Kim T không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Công Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bình P và cháu Nguyễn Bình T1 mà không ai có quyền ngăn cản.

Về tài sản chung: Bà Nguyễn Kim T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Kim T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét

Về án phí: Bà Nguyễn Kim T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 của Bộ luật dân sự.

- Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: **Bà** Nguyễn Kim T được ly hôn ông Nguyễn Công Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Bình T1 (nam, sinh ngày 05/01/2016) cho bà Nguyễn Kim T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục và giao cháu Nguyễn Bình P (nam, sinh ngày 05/01/2007) cho ông Nguyễn công Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu P và cháu T1 đủ 18 tuổi. Hiện cháu Nguyễn Bình P đang sống với ông Đ, còn cháu Nguyễn Bình T1 đang sống với bà T.

Về cấp dưỡng nuôi con: Do bà Nguyễn Kim T không yêu cầu do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Kim T và ông Nguyễn Công Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Nguyễn Bình P và cháu Nguyễn Bình T1 mà không ai có quyền ngăn cản.

3. Về tài sản chung: Bà Nguyễn Kim T trình bày vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Bà Nguyễn Kim T trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Kim T phải chịu án phí ly hôn số tiền 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0009436 ngày 18/9/2019 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Sóc Trăng.

Bà Nguyễn Kim T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông Nguyễn Công Đ có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND - TPST;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Thi hành án DS - TPST;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thúy Uyên